

Số: 80/2018/QĐST-HNGĐ

Hòa Vang, ngày 20 tháng 11 năm 2018

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 133/2018/TLST-HNGĐ ngày 07/9/2018, giữa:

Nguyên đơn: Bà Phùng Thị Mỹ H; sinh năm: 1986; địa chỉ cư trú: Thôn H, xã P, huyện V, thành phố Đà Nẵng.

Bị đơn: Ông Nguyễn Đình C, sinh năm 1985; địa chỉ cư trú: Thôn H, xã P, huyện V, thành phố Đà Nẵng.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Bà Lê Thị T, sinh năm 1963 và ông Phùng Văn N, sinh năm 1965; cùng địa chỉ cư trú: Thôn H, xã P, huyện V, thành phố Đà Nẵng.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 59, 62, 81, 82, 83, 84, 110, 116, 117 Luật Hôn nhân gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 12 tháng 11 năm 2018.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 12 tháng 11 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Phùng Thị Mỹ H và ông Nguyễn Đình C.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

* *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Phùng Thị Mỹ H và ông Nguyễn Đình C tự nguyện thuận tình ly hôn

* *Về quan hệ con chung*: Giao con chung tên Nguyễn Phùng Bảo Ân, sinh ngày 03/9/2011 cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng. Ông C có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho bà H theo thời gian và phương thức như sau:

- Ông C cấp dưỡng nuôi con 01 lần từ ngày 01/01/2019 đến ngày 01/01/2022 là 50.000.000 đồng (bà H và ông C đã giao nhận tiền xong).

- Từ ngày 02/01/2022, ông C có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con hàng tháng cho bà H là 1.500.000 đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Bên không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền con được sống chung với người trực tiếp nuôi. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Khi cần thiết vì lợi ích của con, các bên có quyền làm đơn xin thay đổi nuôi con hoặc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

* *Về tài sản chung*: Các bên tự nguyện thỏa thuận như sau:

- Thửa đất số 287, tờ bản đồ số 15, diện tích 310m² tại thôn Hòa Hải, xã Hòa Phú, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng do UBND huyện Hòa Vang cấp số BI236671 ngày 25/5/2012 cho bà Phùng Thị Mỹ H là tài sản riêng của bà H được cha mẹ bà H tặng cho riêng nên không có tranh chấp và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Đối với các vật dụng trong gia đình gồm 01 máy giặt hiệu Panasonic, 01 tủ lạnh hiệu Sanyo, 01 xe nước mía, 01 tivi hiệu Sam sung, 01 bộ bàn ghế gỗ có tổng trị giá là 23.445.000đ: tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Thống nhất sử dụng chứng thư thẩm định giá ngày 29/10/2018 của Công ty cổ phần thẩm định giá BTC Value làm cơ sở giải quyết vụ án.

- Tài sản chung yêu cầu chia là 01 ngôi nhà cấp 4 (01 tầng + gác lửng) và vật kiến trúc được xây dựng trên thửa đất số 287, tờ bản đồ số 15 tại thôn Hòa Hải, xã Hòa Phú, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng.

- Giao cho bà H được quản lý, sử dụng, sở hữu, định đoạt tài sản chung là: 01 ngôi nhà cấp 4 (01 tầng + gác lửng) xây dựng trên thửa đất số 287, tờ bản đồ số 15 tại thôn Hòa Hải, xã Hòa Phú, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng, diện tích xây dựng là 123,95m², diện tích sử dụng là 153,95m² (nhà có kết cấu: móng đá, trụ bê tông, tường xây gạch trát vữa sơn vôi, mái lợp ngói, nền lót gạch men); khu vệ sinh có diện tích là 21,78m²; phần kiến trúc của chái hiên phía trước có diện tích xây dựng là 100,50m² (kết cấu: nền xi măng, trụ bê tông, mái lợp tôn, xà gồ gỗ); phần kiến trúc của chái bên hông có diện tích xây dựng là 20,09m² (kết cấu: nền lót gạch men, trụ bê tông, mái lợp tôn, xà gồ gỗ). Tổng giá trị tài sản chung là 392.393.922đ. Bà H có trách nhiệm bồi đắp cho ông C số tiền chênh lệch chia tài sản chung là 150.000.000đ (bà H và ông C đã giao nhận tiền xong).

- Bà Phùng Thị Mỹ H được quyền liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để thực hiện các quyền và nghĩa vụ pháp lý đối với ngôi nhà, vật kiến trúc trên đất nêu trên theo quy định pháp luật.

* *Về nợ chung*: Các bên tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Án phí HNGĐ sơ thẩm* 150.000 đồng và *án phí cấp dưỡng nuôi con chung* 150.000 đồng: bà H tự nguyện chịu 300.000 đồng (được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà bà H đã nộp theo biên lai thu số 2663 ngày 07/9/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hòa Vang).

* *Án phí chia tài sản chung*:

- Ông C tự nguyện chịu 3.750.000 đồng.

- Bà H tự nguyện chịu: 6.059.848đ, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 2.500.000đ mà bà H đã nộp theo biên lai thu số 2603 ngày 26/9/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòa Vang. Bà H còn phải nộp tiếp số tiền 3.559.848 đồng.

- Lệ phí xem xét thẩm định là 2.000.000 đồng, lệ phí định giá tài sản là 6.500.000 đồng: Bà H tự nguyện chịu (đã nộp và chi xong).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án không thi hành thì còn phải trả tiền lãi theo mức lãi suất thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất theo quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự, nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền chậm thi hành án tại thời điểm thanh toán.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận

- Dương sự;
- VKSND huyện Hòa Vang;
- UBND xã Hòa Phú;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Lê Thị Xuân Phương